TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 389/2024/DS-PT;
Ngày: 05/8/2024;
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hồng;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương;

Ông Lê Văn Phận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Phương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Phạm Công Có - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 7 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS–ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2491/2024/QĐ–PT ngày 11 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Duy T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị E, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Huyền T1, sinh năm 1971; địa chỉ: ấp L, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn – bà Nguyễn Thị Huyền T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm,

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01 tháng 4 năm 2024 của ông Phan Duy T và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Duy T là bà Trần Thị E trình bày:

Ông Phan Duy T có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Huyền T1 làm chủ hụi, cụ thể: 02 dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 10 năm 2022 (âm lịch) gồm 25 phần, ông T chơi 02 phần của 02 dây hụi, đóng hụi sống được 16 lần số tiền là 20.700.000 đồng; dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 01 năm 2023 (âm lịch) gồm 29 phần, ông T chơi 01 phần, đóng hụi sống được số tiền 37.410.000 đồng; dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 01 năm 2022 (âm lịch) gồm 26 phần, ông T chơi 01 phần đóng hụi sống được 25 lần, đến ngày 05 tháng 01 năm 2024 (âm lịch) mãn hụi, ông T hốt hụi chót số tiền 125.000.000 đồng (trừ tiền thảo 2.500.000 đồng) bà T1 phải giao tiền hụi là 122.500.000 đồng nhưng bà T1 không giao hụi cho ông T. Vì vậy, ông T yêu cầu bà T1 và ông Phan Văn Đ (chồng bà T1) phải liên đới hoàn trả số tiền hụi là 180.610.000 đồng.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1 đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn Đ trình bày:

Bà T1 thống nhất ông T có tham gia chơi 04 dây hụi do bà làm chủ hụi như lời trình bày của bà E; 02 dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng ông T đóng hụi sống số tiền là 20.700.000 đồng; dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 01 năm 2023 (âm lịch) ông T đóng hụi sống số tiền là 37.410.000 đồng; dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 01 năm 2022 (âm lịch) gồm 26 phần, ông T đóng hụi sống được 25 lần số tiền là 71.270.000 đồng, nếu đến ngày mãn hụi thì ông T được hốt hụi chót. Nay bà T1 và ông Phan Văn Đ đồng ý liên đới hoàn trả cho ông T số tiền hụi sống đã đóng là 129.380.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 111/2024/DS–ST ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, đã quyết định (tóm tắt):

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Duy T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T1 và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả số tiền hụi là 17.090.000 đồng.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Duy T.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T1 và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho ông Phan Duy T số tiền hụi là 180.610.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/6/2024, bị đơn bà T1 kháng cáo đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm, bà yêu cầu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại phiên tòa, bị đơn bà T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị xem xét sửa bản án dân sự sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ y bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định của pháp luật tố tụng.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà T1, giữ y bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1 và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Huyền T1 kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Khi khởi kiện, ông T yêu cầu bà T1 và ông Đ liên đới trả lại cho bà số tiền hụi là 197.700.000 đồng, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà E trình bày nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền hụi là 180.610.000 đồng. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện (số tiền là 17.090.000 đồng) của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của ông T là phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ông T yêu cầu bị đơn bà T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đ phải liên đới trả lại số tiền hụi là 180.610.000 đồng. Bà T1 đồng ý

cùng ông Đ liên đới hoàn trả cho ông T số tiền hụi đã đóng thực tế là 129.380.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Do các đương sự thống nhất số tiền hụi bà T1 còn nợ ông T là 58.110.000 đồng đối với 02 dây hụi mệnh giá 1.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 10 năm 2022 (âm lịch) và dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 01 năm 2023 (âm lịch) nên căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

[2.3] Các đương sự không thống nhất với nhau về số tiền hụi đối với dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 01 năm 2022 (âm lịch). Nguyên đơn yêu cầu bà T1 và ông Đ phải liên đới hoàn trả số tiền là 122.500.000 đồng (số tiền hụi chót được nhận), còn bà T1 chỉ đồng ý hoàn trả số tiền hụi thực đóng là 71.270.000 đồng.

Bà T1 yêu cầu xin trả dần nhưng không được sự chấp thuận của bà E. Xét thấy bà T1 là chủ hụi nhưng không thực hiện đúng nghĩa vụ theo thỏa thuận giữa các bên khi thiết lập giao dịch về hụi và theo quy định của pháp luật, khi kết thúc việc chơi hụi không giao tiền hụi cho ông T đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Mặt khác, theo thỏa thuận của các bên khi tham gia giao dịch về hụi thì đối với dây hụi mệnh giá 5.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 01 năm 2022 (âm lịch) ông T được hốt hụi chót nên số tiền hụi bà T1 phải giao cho ông T sau khi cấn trừ tiền thảo là 122.500.000 đồng như Tòa án cấp sơ thẩm nhận định là hợp lý.

[2.4] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T đối với số tiền 180.610.000 đồng là có căn cứ.

[2.5] Đối với ông Đ là chồng của bà T1 và có ý kiến đồng ý cùng bà T1 liên đới trả nợ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình, các Điều 18, 23, 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ buộc bà T1 và ông Đ phải liên đới hoàn trả cho ông T số tiền hụi là 180.610.000 đồng là phù hợp.

[2.6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 tiếp tục yêu cầu được trả dần số tiền nợ hụi với điều kiện mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[3] Bị đơn kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Huyền T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 111/2024/DS-ST ngày 20/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 18, Điều 23, Điều 25 Nghị định số: 19/2019/NĐ-CP, ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường. Tuyên xử:

[1]. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Duy T về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Huyền T1 và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả số tiền hụi là 17.090.000 đồng.

[2]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Duy T.

Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T1 và ông Phan Văn Đ phải liên đới hoàn trả cho ông Phan Duy T số tiền hụi là 180.610.000 đồng *(Một trăm tám mươi triệu sáu trăm mười nghìn đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Nguyễn Thị Huyền T1 và ông Phan Văn Đ phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 9.030.000 đồng *(Chín triệu không trăm ba mươi nghìn đồng)*.

- Hoàn trả cho ông Phan Duy T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.525.000 đồng *(Ba triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* và 1.417.500 đồng *(Một triệu bốn trăm mười bảy nghìn năm trăm đồng)* theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001448, ngày 29 tháng 02 năm 2024 và 0000836, ngày 06

tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Huyền T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000925 ngày 12/6/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện Chợ Lách;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Thế Hồng